

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2015

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành tại Quyết định số.....ngày.....tháng.....năm..... của Hiệu trưởng Trường đại học Kinh tế - Luật)

- **Tên chương trình: Thương mại điện tử (Electronic Commerce – E-Commerce)**
- **Trình độ đào tạo: Đại học**
- **Ngành đào tạo: Thương mại điện tử (E-commerce)**
- **Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung**
- **Mã ngành đào tạo: 52.34.01.22**
- **Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân Thương mại điện tử (Bachelor of E-commerce)**
- **Chủ nhiệm ngành:**

1. Sự cần thiết và lý do mở ngành đào tạo

Ngành thương mại điện tử (TMĐT) tại Việt Nam cho đến thời điểm này đã khẳng định vai trò đóng góp rất tích cực vào quá trình phát triển đất nước. Xu thế kinh doanh và quản lý trên nền tảng Internet và thiết bị công nghệ di động không ngừng phát triển. Tuy nhiên, nguồn nhân lực chính qui để xây dựng hạ tầng, điều hành quản lý và phát triển TMĐT tại Việt Nam còn rất nhiều hạn chế. Chính vì vậy, việc phát triển và đào tạo nguồn nhân lực chính qui về TMĐT luôn được Chính phủ, các Bộ ngành, các trường đại học trong cả nước và xã hội quan tâm. Điều này đã được thể hiện qua nhiều nghị định, kế hoạch, chiến lược phát triển TMĐT cũng như đào tạo nguồn nhân lực chính qui được ban hành trong những năm qua. Bên cạnh đó, các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế thường xuyên được tổ chức nhằm mục đích trao đổi và thống nhất về kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển TMĐT của đất nước.

Trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa đã và đang diễn ra mạnh mẽ như hiện nay thì nhu cầu ứng dụng và triển khai TMĐT vào quá trình kinh doanh, quản lý ngày càng tăng cao hơn nữa và chắc chắn điều đó sẽ mở ra nhiều cơ hội thành lập doanh nghiệp và các doanh nghiệp khác sẽ triển khai mạnh mẽ TMĐT vào trong quá trình kinh doanh, quản lý và đó cũng là cơ hội việc làm tốt cho sinh viên trong tương lai không xa.

Trong hai năm vừa qua, kể từ khi tuyển sinh chuyên ngành Thương mại điện tử vào năm 2014, bên cạnh việc đào tạo Trường Đại học Kinh tế - Luật đã hoàn thiện xây dựng chương trình giáo dục ngành Thương mại điện tử theo tiếp cận CDIO. Trường đã có thêm bề dày kinh nghiệm trong đào tạo Thương mại điện tử, có thêm được một hệ thống các đối tác là doanh nghiệp, hiệp hội hỗ trợ trong đào tạo và tuyển dụng việc làm. Trường cũng đã tập trung đào tạo cán bộ giảng viên giảng dạy theo CDIO, tăng cường tuyển dụng giảng viên có học vị cao và có chuyên ngành liên quan. Tuy nhiên, cũng qua quá trình đào tạo chuyên ngành TMĐT này, Trường nhận thấy rằng, đào tạo theo hình thức chuyên ngành không thể đủ thời gian và điều kiện để có thể tập trung đào tạo một sinh viên chất lượng cao ngành Thương mại điện tử để đáp ứng tốt yêu cầu xã hội, đặc biệt giai đoạn hiện nay gia nhập cộng đồng kinh tế ASIAN và TPP đang có sự cạnh tranh khốc liệt về việc tuyển dụng việc làm tại các công ty lớn, công ty đa quốc gia cho sinh viên ngành TMĐT.

Để đáp ứng nhu cầu cấp bách về đào tạo nguồn nhân lực chính quy TMĐT, Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM đã xây dựng chương trình và kế hoạch đào tạo ngành TMĐT bậc đại học hệ chính quy (hồ sơ mở ngành đính kèm). Đồng thời, cùng với thế mạnh trong lĩnh vực kinh tế, luật, kinh doanh và hệ thống thông tin quản lý - một thế mạnh liên ngành chính là nền tảng và điều kiện tốt cho việc đào tạo ngành TMĐT và điều đó cũng có thể khẳng định ngành đào tạo này sẽ trở thành điểm nhấn trong hệ thống đào tạo của Trường Đại học Kinh tế - Luật nói riêng và trong ĐHQG-HCM nói chung.

Với những lý do trình bày trên cùng với những nội dung đã được thuyết minh chi tiết trong Hồ sơ mở ngành, Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM kính đề nghị Ban Giám đốc ĐHQG-HCM, Ban Đại học & Sau đại học và Ban Kế hoạch – Tài chính, ĐHQG-HCM xét duyệt và đồng ý cho Trường Đại học Kinh tế - Luật mở ngành đào tạo TMĐT bậc đại học hệ chính quy theo hệ tín chỉ.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1 Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân kinh tế có kiến thức toàn diện về lĩnh vực thương mại điện tử; có chuyên môn, năng lực và kỹ năng nghề nghiệp vững vàng; cung cấp nguồn nhân lực thương mại điện tử chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế và xã hội trong thời đại mới.

2.2 Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu I: Đào tạo nguồn nhân lực có chuyên môn cao trong lĩnh vực thương mại điện tử: nắm vững nghiệp vụ kinh doanh và thành thạo công nghệ thông tin ứng dụng trong kinh doanh tại doanh nghiệp.

Mục tiêu II: Đào tạo đội ngũ quản lý và có kiến thức vững vàng trong hoạch định, xây dựng và triển khai hoạt động thương mại điện tử tại doanh nghiệp và khả năng quản lý tại các cơ quan quản lý nhà nước về thương mại điện tử.

Mục tiêu III: Đào tạo nguồn nhân lực chuyên sâu trong việc tổ chức, quản lý và thực hiện toàn bộ quá trình kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử trong doanh nghiệp, có khả năng nhận biết và giải quyết các vấn đề trong hoạt động thương mại điện tử.

Mục tiêu IV: Đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt.

2.3 Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)

Chuẩn đầu ra chương trình	Ghi chú
1 CÁC KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	
1.1 CÓ KIẾN THỨC KHOA HỌC CƠ BẢN LIÊN QUAN ĐẾN NGÀNH TMĐT	
1.1.1 Toán học	
1.1.2 Tin học	
1.1.3 Kinh tế	
1.1.4 Pháp luật	
1.1.5 Kiến thức về chính trị, xã hội, tâm lý	
1.2 CÓ KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH TMĐT	
1.2.1 Kỹ thuật lập trình	
1.2.2 Phân tích thiết kế hệ thống	
1.2.3 Hạ tầng và an toàn Thương mại điện tử	
1.2.4 Quản trị	
1.2.5 Hệ thống thông tin	
1.2.6 quản lý chuỗi cung ứng	
1.2.7 Thương mại điện tử	
1.2.8 Marketing	
1.2.9 Kế toán – Tài chính	
1.3 CÓ KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH	
1.3.1 Thanh toán điện tử	
1.3.2 Pháp luật TMĐT	
1.3.3 Marketing điện tử	
1.3.4 Quản trị TMĐT	
1.3.5 Quản lý dữ liệu	
1.3.6 Công cụ thương mại điện tử	

1.3.7 M- Commerce	
1.3.8 Chiến lược Thương mại điện tử	
2 KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP	
2.1 CÓ KHẢ NĂNG LẬP LUẬN, PHÂN TÍCH VÀ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ TMĐT	
2.1.1 Xác định và trình bày chính xác các vấn đề TMĐT	
2.1.2 Mô hình hoá	
2.1.3 Ước lượng và phân tích	
2.1.4 Hình thành chiến lược giải quyết vấn đề (Giải pháp và khuyến nghị)	
2.2 CÓ KHẢ NĂNG THỬ NGHIỆM, NGHIÊN CỨU VÀ KHÁM PHÁ TRI THỨC	
2.2.1 Định hình giả thuyết (nêu giả thuyết)	
2.2.2 Khảo sát qua tài liệu và thông tin điện tử (hoặc Khảo sát dữ liệu)	
2.2.3 Có khả năng sử dụng công cụ tin học để giải quyết vấn đề TMĐT	
2.2.4 Tiến hành thử nghiệm	
2.2.5 Phân tích dữ liệu	
2.2.6 Kiểm định giả thuyết, bảo vệ luận điểm	
2.3 CÓ KHẢ NĂNG TƯ DUY TẦM HỆ THỐNG	
2.3.1 Hiểu những kiến thức cơ bản và phương pháp của tư duy hệ thống	
2.3.2 Áp dụng tư duy hệ thống để giải quyết vấn đề	
2.3.3 Đánh giá và cân bằng trong giải quyết	
2.4 CÓ NHẬN THỨC VỀ TƯ TƯỞNG, THÁI ĐỘ VÀ TINH THẦN HỌC TẬP	
2.4.1 Sáng kiến và sẵn sàng quyết định chấp nhận rủi ro	
2.4.2 Kiên trì, sẵn sàng và quyết tâm, tháo vát và linh hoạt	
2.4.3 Tư duy sáng tạo	
2.4.4 Tư duy suy xét	
2.4.5 Sự tự nhận thức, nhận thức về kiến thức và tích hợp kiến thức	
2.4.6 Học tập và rèn luyện suốt đời	

2.4.7 Quản lý thời gian và nguồn lực	
2.5 ĐẠO ĐỨC, CÔNG BẰNG VÀ CÁC TRÁCH NHIỆM KHÁC	
2.5.1 Có đạo đức nghề nghiệp, trung thực và trách nhiệm xã hội	
2.5.2 Hành xử chuyên nghiệp	
2.5.3 Có tầm nhìn và định hướng trong cuộc sống	
2.5.4 Cập nhật kiến thức và thông tin trong lĩnh vực kinh doanh	
2.5.5 Chấp nhận sự khác biệt và công bằng	
2.5.6 Tin cậy và gắn bó với tổ chức	
3 LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP	
3.1 LÀM VIỆC NHÓM	
3.1.1 Hình thành nhóm hiệu quả	
3.1.2 Hoạt động nhóm	
3.1.3 Phát triển nhóm	
3.1.4 Lãnh đạo nhóm	
3.1.5 Làm việc với các loại nhóm khác nhau	
3.2 GIAO TIẾP	
3.2.1 Lựa chọn chiến lược giao tiếp	
3.2.2 Lựa chọn cách thức giao tiếp phù hợp	
3.2.3 Giao tiếp bằng văn bản	
3.2.4 Giao tiếp thông qua các phương tiện điện tử và đa truyền thông	
3.2.5 Giao tiếp bằng đồ họa	
3.2.6 Thuyết trình	
3.2.7 Hỏi, nghe và đối thoại	
3.2.8 Đàm phán, thỏa hiệp và giải quyết xung đột	
3.3 GIAO TIẾP BẰNG NGOẠI NGỮ (TOEIC 550)	
3.3.1 Giao tiếp bằng tiếng Anh (TOEIC 550)	

4 NĂNG LỰC THỰC HÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ, TRIỂN KHAI VÀ VẬN HÀNH TRONG DOANH NGHIỆP TMĐT TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC	
4.1 NHẬN THỨC VỀ BỐI CẢNH TMĐT TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC	
4.1.1 Hiểu rõ vai trò và trách nhiệm cử nhân ngành TMĐT	
4.1.2 Hiểu được những tác động của TMĐT với xã hội và môi trường	
4.1.3 Hiểu được các yêu cầu của xã hội đối với TMĐT	
4.1.4 Nắm bắt các vấn đề và giá trị đương đại	
4.1.5 Phát triển một quan điểm toàn cầu (tmđt (2), chiến lược tmđt...)	
4.2 BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP TMĐT	
4.2.1 biết được sự đa dạng văn hóa doanh nghiệp	
4.2.2 Xác định chiến lược, mục tiêu, và kế hoạch kinh doanh	
4.2.3 nhận diện cơ hội kinh doanh thông qua TMĐT	
4.3 HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	
4.3.1 Xây dựng nhu cầu và thiết lập các mục tiêu	
4.3.2 Xác định chức năng, nguyên lý và kiến trúc	
4.3.3 Mô hình hoá dự án TMĐT	
4.3.4 Quản lý phát triển dự án TMĐT	
4.4 THIẾT KẾ	
4.4.1 Phác thảo kế hoạch thực hiện	
4.4.2 Lập kế hoạch xây dựng hạ tầng (phần cứng phần mềm, giải pháp)	
4.4.3 Lập giải pháp tích hợp phần cứng và phần mềm	
4.4.4 Lập kế hoạch kiểm tra, xác nhận, đánh giá và kiểm định	
4.4.5 Lập kế hoạch quản lý vận hành	
4.5 THỰC HIỆN	

4.5.1	Thiết kế quy trình thực hiện	
4.5.2	Tích hợp phần cứng, mềm	
4.5.3	Thử nghiệm, kiểm tra, phê chuẩn, chứng nhận	
4.5.4	Quản lý quá trình thực hiện	
4.6	VẬN HÀNH	
4.6.1	Thiết kế và tối ưu hóa vận hành bền vững và an toàn	
4.6.2	Lên kế hoạch đào tạo và thủ tục thực hiện (Huấn luyện và vận hành)	
4.6.3	Quản lý vòng đời của hệ thống	
4.6.4	Hỗ trợ phát triển và bảo trì hệ thống	

3. Thời gian đào tạo: 4 năm với 8 học kỳ

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

130 tín chỉ không kể khối kiến thức giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và ngoại ngữ.

5. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Không phải bổ túc kiến thức:
 - o Người đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên, trung cấp chuyên nghiệp, trung học nghề, trung cấp nghề;
 - o Người đã tốt nghiệp trung cấp nghề phải là người đã tốt nghiệp trung học cơ sở, đã học đủ khối lượng kiến thức và thi tốt nghiệp các môn văn hóa THPT đạt yêu cầu theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Phải bổ túc kiến thức: không tuyển sinh
- **Khối tuyển sinh:** A, A1, D1
- **Chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm:** 100 sinh viên

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Căn cứ vào Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Giám đốc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

6.1 Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo được chia làm 8 học kỳ:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương và cơ sở khối ngành: học kỳ 1, học kỳ 2, học kỳ 3, học kỳ 4.
- Khối kiến thức chuyên ngành: học kỳ 4, học kỳ 5, học kỳ 6, học kỳ 7.
- Thực tập cuối khóa, khóa luận tốt nghiệp hoặc học chuyên đề: học kỳ 7, 8.

6.2 Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp, nếu hội đủ các điều kiện sau đây:

- Tích lũy đủ số TC của ngành đào tạo;
- Đạt điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa theo quy định;
- Đạt các chứng chỉ GDQP, chứng chỉ giáo dục thể chất;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
- Điều kiện ngoại ngữ: đạt chuẩn 500 TOEIC hoặc các văn bằng tương đương.

7. Thang điểm

Thang điểm sử dụng là thang điểm 10 và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

8. Dự kiến Kế hoạch giảng dạy:

HỌC KỲ I – 22 TC (không bao gồm giáo dục thể chất)

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ	Điều kiện tiên quyết
-----	-------	---------	---------	----------------------

			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	20	18	2		
1	GEN1001	Những nguyên lý cơ bản của Mác-Lênin	5	5			
2	ECO1001	Kinh tế học vi mô 1	3	3			
3	LAW1001	Lý luận nhà nước và pháp luật (Pháp luật đại cương)	3	3			
4	MAT1001	Toán cao cấp (5TC)	5	5			
5	MIS1002	Giới thiệu ngành TMĐT	2	2			
6	MIS1003	Tin học cơ sở	2	0	2		
		Môn học tự chọn	2	2			
7	GEN1101	Tâm lý học đại cương	2 môn chọn 1	2	2		
8	GEN1102	Nhập môn khoa học giao tiếp		2	2		
9	GEN1004	Giáo dục thể chất 1	3	3			

HỌC KỲ II – 21 TC

STT	Mã MH	MÔN HỌC		Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
				Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc		17	16	1		
1	LAW1501	Luật doanh nghiệp		3	3			
2	ECO1002	Kinh tế vĩ mô 2		3	3			
3	ACC1013	Nguyên lý kế toán		3	3			
4	BUS 1100	Quản trị học căn bản		3	3			
5	MAT1002	Lý thuyết xác suất		2	2			MAT1001
6	MIS1006	Kỹ thuật lập trình		3	2	1		
				4				
7	GEN1105	Văn hóa học	2 môn chọn 1	2	2			
8	GEN1106	Xã hội học		2	2			
9	GEN1103	Địa chính trị thế giới	2 môn chọn 1	2	2			
10	GEN1104	Quan hệ quốc tế		2	2			
11	GEN1005	Giáo dục thể chất 2		2	2			
12	GEN1006	Giáo dục QP (4 tuần)		165t				

HỌC KỲ III (NĂM 2): 23 TC

STT	Mã MH	MÔN HỌC		Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
				Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc		18	16	2		
1	GEN1002	Đường lối cách mạng của ĐCSVN		3	3			
2	BUS 1200	Marketing căn bản		3	3			
3	FIN1101	Nguyên lý thị trường tài chính		3	3			ECO1001 ECO1002
4	ACC1023	Kế toán tài chính		3	3			ACC1013
5	MIS1010	Mạng máy tính		3	2	1		
6	MIS1008	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật		3	2	1		MIS1006
		Môn học tự chọn		5	4	1		
7	ECO1003	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2 môn chọn 1	2	2			
8	BUS 1303	Kỹ năng làm việc theo nhóm		2	2			
9	MIS1004	Tin học ứng dụng	2 môn chọn 1	3	2	1		
10	GEN1107	Logic học		3	3			

HỌC KỲ IV: 18TC

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	18	15	3		
1	GEN1003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			
2	COM1001	Kinh tế học quốc tế	2	2			
3	MIS1005	Hệ thống thông tin kinh doanh	2	1	1		
4	MIS1034	Thương mại điện tử	3	3			
5	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3	2	1		
6	MIS1048	An toàn và Bảo mật	3	3			
7	MIS1017	Phân tích & thiết kế Hệ thống thông tin	3	2	1	MIS1011	

HỌC KỲ V: 20TC

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	14	13	1		
1	MIS1040	Marketing điện tử	3	3		BUS1200	
2	MIS1046	Pháp luật Thương mại điện tử	3	3			

3	MIS1042	Thanh toán điện tử	3	3			
4	MIS1041	Quản lý chuỗi cung ứng trong TMĐT	2	2			
5	MIS1012	Thiết kế & Lập trình Web Kinh doanh	3	2	1		MIS1006
Môn học tự chọn chuyên sâu (6 TC)							
Sinh viên chọn 1 trong 3 hướng chuyên sâu đều phải chọn môn							
6	MIS1044	Thương mại di động	3	3			
Chuyên sâu nhóm E-Marketing							
7	MIS1031	Quản trị quan hệ khách hàng điện tử	3	3			
Chuyên sâu nhóm : Quản trị (Operations)							
8	MIS1015	Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP	3	2	1		
Chuyên sâu nhóm : Xây dựng giải pháp TMĐT							
9	MIS1049	Lập trình mobile	3	3			

HỌC KỲ VI: 13TC

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	7	6	1		
1	MIS1038	Quản lý dự án Thương mại điện tử	2	2			
2	MIS1030	Chiến lược Thương mại điện tử	2	2			

3	MIS1045	Phân tích dữ liệu WEB	3	2	1		
Môn học tự chọn chuyên sâu (6 TC)							
Chuyên sâu nhóm E-Marketing							
3	MIS1043	Nghiên cứu tiếp thị	3	3		BUS1200	
4	MIS1048	Thương mại trên mạng xã hội	3	2	1		
Chuyên sâu nhóm : Quản trị (Operations)							
5		Văn Hoá doanh nghiệp	3	3			
6		Quản trị bán hàng	3	3			
Chuyên sâu nhóm : Xây dựng giải pháp TMDT							
7	MIS1025	Thiết kế & Lập trình Web nâng cao	3	2	1	MIS1012	
8	MIS1026	Phát triển ứng dụng mã nguồn mở	3	2	1		

HỌC KỲ VII: 09TC

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	09		09		
1	MIS1047	Chuyên đề 1: Quản trị tác nghiệp TMDT <i>(Đối với SV không được hoặc không đăng ký làm khóa luận)</i>	3				
2	MIS1035	Chuyên đề 2: Khởi nghiệp Thương	3				

		mại điện tử <i>(Đối với SV không được hoặc không đăng ký làm khóa luận)</i>					
3	MIS1039	Đồ án ngành (411)	3	0	3		

HỌC KỲ VIII: 4 - 10 TC

STT	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1		Thực tập tốt nghiệp	4		4		
2		Thực tập + Khóa luận tốt nghiệp <i>(Đối với SV làm khóa luận TN)</i>	10		10		

KHỐI KIẾN THỨC NGOẠI NGỮ: 20 TC

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ENG1001	Tiếng Anh thương mại 1	5	4	1		Đầu vào A2
2	ENG1002	Tiếng Anh thương mại 2	5	4	1		ENG1001
3	ENG1003	Tiếng Anh thương mại 3	5	4	1		ENG1002
4	ENG1004	Tiếng Anh thương mại 4	5	4	1		ENG1003

Lưu ý: Sinh viên phải hoàn thành 130 tín chỉ để được nhận bằng tốt nghiệp:

- *Đối với sinh viên không làm luận văn : trong đó có 118 tín chỉ bắt buộc, 12 tín chỉ tự chọn môn học chuyên sâu ngành.*

- Đối với sinh viên làm luận văn: trong đó 112 tín chỉ bắt buộc, 06 tín chỉ sinh viên làm khoá luận và 12 tín chỉ tự chọn môn học tự chọn chuyên sâu ngành.

KHỞ TỰ CHỌN MỞ RỘNG CHUYÊN SÂU NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

Nhóm 1: E- marketing

1	MIS1031	Quản trị quan hệ khách hàng điện tử (e-CRM)	3	3			
2	MIS1043	Nghiên cứu tiếp thị	3	3		BUS1200	
3	MIS1048	Thương mại trên mạng xã hội	3	2	1		
4	MIS1044	Thương mại di động	3	3			

Nhóm 2: Quản trị (Operations)

1		Văn hoá doanh nghiệp	3	3			
2		Quản trị bán hàng					
3	MIS1015	Tích hợp quy trình kinh doanh với các hệ thống ERP	3	2	1		
4	MIS1044	Thương mại di động	3	3			

Nhóm 3: Xây dựng giải pháp TMĐT

1	MIS1025	Thiết kế & Lập trình Web nâng cao	3	2	1	MIS1012	
2	MIS1049	Lập trình mobile	3				
3	MIS1044	Thương mại di động	3	3			
4	MIS1026	Phát triển ứng dụng mã nguồn mở	3	2	1		